

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 88 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08/6/ 2020

V/v “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Dũng

2. Ông Lê Minh Chiến

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Hòa

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên
tòa:* Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2020/TLST-HNST ngày 15 tháng 01 năm 2020, về việc “Ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020 /QĐXX ST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Phương T, sinh năm 1999(Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T.1, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Anh Tô Thanh H, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/2/2020, các văn bản tố tụng khác nguyên đơn chị Trần Thị Phương T trình bày: Chị và anh H tổ chức cưới hỏi vào tháng 7/2018, trước khi đi đến hôn nhân, anh chị có thời gian tìm hiểu chỉ vài tháng rồi tự nguyện đi đến hôn nhân, có Giấy đăng ký kết hôn do UBND xã N cấp.

Sau khi cưới chị và anh H vào Thành phố Hồ Chí Minh làm thuê chỉ vài tháng sau đó về sống chung với gia đình chồng tại xã N, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do giữa chị và anh H tính tình không hợp nhau, anh H ham chơi, không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ, vô kế gây chuyện đánh đập vợ. Vợ chồng thường lời qua tiếng lại vì những chuyện vặt trong cuộc sống hàng ngày, nhiều lần anh ăn nói thiếu tế nhị xúc phạm đến chị và còn nói hỗn láo, chửi mắng cha mẹ chị, quá buồn bực nên bỏ về nhà cha mẹ đẻ ở huyện T sống từ ngày 06/01/2019(AL) cho đến nay, suốt thời gian qua không ai quan tâm tới ai, gia đình cha mẹ hai bên có hòa giải, nhưng anh H vẫn tính nết nào tặc

này, anh chị không ai nhường nhịn ai. Hiện chị không còn tình cảm với anh H, yêu cầu Tòa cho chị được ly hôn với anh Tô Thanh H.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung và nợ: Chị có đơn rút đơn yêu cầu về chia tài sản, nay chị không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

**Bị đơn anh Tô Thanh H không có lời trình bày trong hồ sơ vụ án.* Sau khi thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cụ thể: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho những người thân trong gia đình đang sống chung với anh H, cụ thể là cha mẹ đẻ của anh trực tiếp ký nhận và cam kết giao cho anh được thể hiện qua các biên bản giao văn bản tố tụng. Qua xác minh người thân gia đình và một số người dân ở địa phương thể hiện anh làm khác địa phương nhưng vẫn đi về nhà.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến nay, tất cả các hoạt động tố tụng của những người tiến hành tố tụng và việc tuân thủ pháp luật của các đương sự, đều theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Tô Thanh H đã được Tòa triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, anh đã biết Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án nhưng vẫn cố tình vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Phương T cho được ly hôn với anh Tô Thanh H.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên miễn xét.

- Về tài sản chung và nợ: Chị T có đơn rút đơn yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về mặt tố tụng:

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Trần Thị Phương T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Tô Thanh H vẫn vắng mặt, không có lý do, theo điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 và Điều 238 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H và chị T.

[2] Về mặt nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H tự nguyện đi đến hôn nhân, anh chị làm thủ tục cưới hỏi và đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 86, quyền số 01 ngày 26/12/2017 của UBND xã N, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình sống chung, chị T tự bỏ về phía cha mẹ sống, anh chị không cùng chung sống với nhau, chia sẻ nhau những công việc trong cuộc sống hàng ngày, không tôn trọng nhau, không quan tâm nhau, sau khi bỏ đi, nhiều lần gia đình chồng đến để khuyên nhủ về nhưng chị T cũng không quay về chung sống với anh

H, anh chị sống ly thân từ tháng 01/2019 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Qua xác minh gia đình và một số người dân ở địa phương, thì nguyên nhân mâu thuẫn do T về phía cha mẹ chơi, anh H nhiều lần đến bảo vợ về nhưng vợ không về, bức tức H ăn nói thiếu tế nhị với cha mẹ vợ, nhiều lần gia đình chồng đến hòa giải nhưng T không về, từ đó H đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về nhà nhưng không đến Tòa, anh nói với cha mẹ anh là “ *T yêu cầu ly hôn con đồng ý chứ không muốn níu kéo hay còn tình cảm gì nữa*”. Qua việc dẫn và phân tích ở trên, HĐXX có cơ sở để xác định mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, do đó việc chị T yêu cầu ly hôn anh Tô Thanh H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 19 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được HĐXX chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung nên miễn xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ: Trước đây chị T có yêu cầu chia tài sản chung nhưng vào ngày 14/02/2020 chị T có đơn rút đơn yêu cầu nên đình chỉ không giải quyết về tài sản chung.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội, thì chị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí chia tài sản cho chị T.

[3] Đề nghị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phù hợp với nhận định trên nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271, và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội.

- Áp dụng các Điều 19, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Phương T ly hôn với anh Tô Thanh H.

2. Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung nên miễn xét.

3. Về tài sản chung và nợ: Chị T có đơn rút đơn yêu cầu nên đình chỉ không giải quyết về tài sản chung.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Phương T phải chịu 300.000.đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004867 ngày 15 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, còn hoàn trả lại cho chị T 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Phương T và anh Tô Thanh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS. TX A;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kiều Oanh